

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 527 /TB-DHN

Hà Nội, ngày 31 tháng 08 năm 2012

THÔNG BÁO
Kết quả thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2012

Hội đồng tuyển sinh thạc sĩ năm 2012 thông báo kết quả thi của kỳ thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ vào Trường Đại học Dược Hà Nội năm 2012 như sau (*văn bản đính kèm*).

Nhà trường nhận đơn phúc khảo của các thí sinh trước ngày 18 tháng 09 năm 2012. Lệ phí phúc khảo là 100.000 đồng/1 môn.

Mọi thông tin xin liên hệ Phòng Sau đại học, Trường Đại học Dược Hà Nội.

Nơi nhận:

- Ban giám hiệu;
- Website;
- Lưu: SDH, VT.

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



Nguyễn Thanh Bình

KẾT QUẢ THI TUYỂN THẠC SĨ NĂM 2012

TT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Tiếng Anh					Cơ bản (Toán)	Cơ sở (Hóa HC)
				Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng		
1	CH17001	Phạm Thị Thùy An	02/11/1987	11	9	27	18,5	65,5	8,25	8,50
2	CH17002	Trần Thị Ánh	20/03/1989	13	16	27	24	80	8,00	8,25
3	CH17003	Ngô Thị Mỹ Bình	29/01/1986	10	14	23	19	66	6,00	7,25
4	CH17004	Nguyễn Thị Cần	25/08/1987	8	16	23	19	66	7,00	6,50
5	CH17005	Mai Khánh Chi	27/08/1977	8	16	28	20,5	72,5	7,00	8,75
6	CH17006	Bùi Kim Chinh	11/02/1988	11	15	25	14	65	2,50	4,50
7	CH17007	Ngô Phương Chung	25/05/1979	7	14	25	18	64	7,75	9,00
8	CH17008	Trịnh Quang Chung	07/04/1981	7	10	26	15,5	58,5	5,00	5,50
9	CH17009	Lê Thanh Cường	10/05/1981							
10	CH17010	Đào Thị Minh Doan	09/02/1983	8	12	28	19	67	8,00	8,50
11	CH17011	Phạm Thị Phương Dung	04/07/1988	13	16	27	24	80	8,25	8,25
12	CH17012	Phạm Thị Thanh Dung	08/08/1987	14	19	27	15	75	3,25	4,75
13	CH17013	Trịnh Thị Phương Dung	26/06/1982	13	16	28	24	81	9,75	9,50
14	CH17014	Trần Kiều Duyên	23/03/1981	9	10	25	20	64	7,00	7,50
15	CH17015	Trương Quốc Đạt	12/12/1984	7	9	20	14,5	50,5	5,00	4,00
16	CH17016	Nguyễn Xuân Đình	05/12/1988	8	12	27	18	65	5,00	5,25
17	CH17017	Dư Quốc Đông	03/07/1988	11	12	27	25,5	75,5	7,00	6,00
18	CH17018	Nguyễn Hải Đường	17/03/1981	7	15	28	14,5	64,5	7,50	5,75
19	CH17019	Đỗ Thị Hồng Gấm	26/11/1981	14	16	24	17	71	5,75	8,00
20	CH17020	Nguyễn Thị Thu Giang	04/07/1988	12	12	24	16,5	64,5	8,00	7,25
21	CH17021	Nguyễn Thu Giang	24/09/1982	14	10	25	15	64	9,00	8,00
22	CH17022	Phạm Hiền Giang	15/08/1988	17	16	26	19	78	7,25	6,75
23	CH17023	Trần Thị Hương Giang	04/04/1987	12	15	25	22	74	5,00	7,25
24	CH17024	Nguyễn Thị Minh Hà	14/03/1987						2,00	2,75
25	CH17025	Nguyễn Thị Hạnh	25/03/1987	12	17	27	18	74	5,00	4,25
26	CH17026	Đặng Thị Hằng	20/11/1987	14	17	27	23	81	7,75	6,00
27	CH17027	Hà Thị Thúy Hằng	16/05/1988	11	16	24	16	67	5,25	6,25
28	CH17028	Nguyễn Thu Hằng	04/08/1974	14	13	27	16,5	70,5	5,75	7,00
29	CH17029	Nguyễn Thị Thu Hiền	03/11/1988	17	15	26	20	78	7,25	5,50
30	CH17030	Nguyễn Thu Hiền	22/09/1988	16	17	28	22	83	7,75	6,75
31	CH17031	Vũ Thị Hiếu	20/11/1988	10	14	23	17	64	6,00	4,50
32	CH17032	Đào Anh Hoàng	09/06/1988	17	15	28	17,5	77,5	4,00	4,25
33	CH17033	Ngô Xuân Hoàng	15/02/1987	18	11	28	20,5	77,5	9,25	9,25
34	CH17034	Chu Thị Trang Hồng	10/03/1988	15	12	26	18	71	7,25	6,25
35	CH17035	Đinh Thị Xuân Hồng	25/01/1976	15	10	28	23,5	76,5	8,25	7,50
36	CH17036	Trần Thị Bích Hợp	02/02/1981	10	11	26	17	64	6,00	5,75
37	CH17037	Nguyễn Thị Huệ	26/09/1987	11	9	29	13	62	4,00	5,00
38	CH17038	Nguyễn Khánh Huệ	12/03/1988	14	14	20	15	63	3,00	1,00
39	CH17039	Đồng Quang Huy	22/04/1987	15	9	22	21,5	67,5	7,25	7,00
40	CH17040	Lê Quang Huy	18/10/1982	14	13	28	18,5	73,5	5,25	6,00
41	CH17041	Lê Quốc Huy	06/09/1988	12	14	23	17	66	9,25	6,50
42	CH17042	Phạm Quốc Huy	16/01/1988	13	13	26	16,5	68,5	8,50	5,00
43	CH17043	Phạm Văn Huy	18/10/1980	15	13	21	12	61	5,00	5,00
44	CH17044	Nguyễn Thị Huyền	27/11/1986	13	16	20	21	70	5,75	7,00
45	CH17045	Nguyễn Thị Huyền	23/09/1988	17	15	16	16	64	8,50	7,00
46	CH17046	Nguyễn Thị Thu Huyền	21/10/1987	13	10	16	20,5	59,5	7,75	7,00

TT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Tiếng Anh					Cơ bản (Toán)	Cơ sở (Hóa HC)
				Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng		
47	CH17047	Nguyễn Thị Thu Huyền	12/09/1988	14	13	25	19	71	6,25	9,00
48	CH17048	Phan Thị	05/11/1987	16	13	26	19	74	7,25	6,50
49	CH17049	Đinh Thị Thúy	28/10/1987	15	16	25	15	71	7,00	8,00
50	CH17050	Nguyễn Thị Lan	13/09/1988							
51	CH17051	Phạm Lan	06/05/1984	17	15	23	15	70	3,75	2,25
52	CH17052	Nguyễn Trung Kiên	24/02/1987							
53	CH17053	Đặng Thị Kim Khuyên	29/11/1988	15	17	23	16,5	71,5	5,75	5,25
54	CH17054	Trần Đức Lai	20/03/1986	9	8	23	17	57	7,50	6,50
55	CH17055	Nguyễn Thị Hồng Lài	18/07/1987							
56	CH17056	Đỗ Thị Lan	15/06/1988	16	15	27	25	83	7,00	3,75
57	CH17057	Tạ Thu Lan	06/08/1987	15	14	27	17	73	9,75	9,25
58	CH17058	Lê Văn Lâm	19/05/1988	4	12	23	7	46	4,00	5,50
59	CH17059	Đới Hải Linh	10/10/1989	13	15	23	16	67	6,75	6,75
60	CH17060	Phạm Thùy Linh	17/02/1989	14	12	26	18	70	8,75	9,75
61	CH17061	Võ Văn Lục	02/06/1969	2	7	11	5	25	0,25	1,25
62	CH17062	Bùi Thị Luyện	24/05/1988	12	9	24	17	62	8,00	7,75
63	CH17063	Đào Văn Lưu	10/02/1987	13	10	25	17	65	8,50	7,25
64	CH17064	Nguyễn Hương Ly	14/11/1988	13	15	26	17	71	8,75	7,75
65	CH17065	Nguyễn Khánh Ly	08/11/1986							
66	CH17066	Nguyễn Thị Tuyết Minh	01/11/1988	10	14	22	13	59	9,00	6,75
67	CH17067	Nguyễn Thu Minh	20/11/1980	15	12	28	17	72	7,00	7,25
68	CH17068	Nguyễn Vũ Minh	15/05/1981	12	7	17	15	51	6,75	5,25
69	CH17069	Vũ Thị Mừng	19/05/1983	14	8	20	16	58	7,50	8,50
70	CH17070	Đào Văn Nam	22/10/1987	16	11	28	17	72	8,00	8,50
71	CH17071	Ngô Thị Quỳnh Nga	15/01/1987	11	17	26	17	71	7,00	7,50
72	CH17072	Trần Thị Thúy Nga	10/06/1987	13	13	26	17,5	69,5	9,50	8,50
73	CH17073	Đoàn Thị Ái Nghĩa	05/07/1988	14	14	25	14,5	67,5	8,00	9,00
74	CH17074	Phan Thị Nghĩa	19/09/1982	13	13	25	16	67	9,75	8,75
75	CH17075	Vũ Hồng Ngọc	26/05/1987	14	16	26	21	77	10,00	7,25
76	CH17076	Phạm Thị Nguyệt	11/10/1986	10	7	23	16	56	5,25	7,00
77	CH17077	Hà Phương Nhân	17/10/1987	9	12	20	13	54	8,00	5,25
78	CH17078	Vũ Thị Nhiều	18/01/1976	12	10	22	16,5	60,5	6,50	5,25
79	CH17079	Nguyễn Thị Hồng Nhung	28/12/1987	14	19	27	20	80	6,25	7,50
80	CH17080	Trần Thị Hồng Nhung	08/01/1988	14	13	21	15	63	3,00	4,25
81	CH17081	Trương Thị Nhung	10/01/1987	12	11	21	15	59	7,00	8,50
82	CH17082	Đỗ Thị Kim Oanh	07/12/1984	10	14	25	12	61	8,00	7,50
83	CH17083	Bùi Việt Phương	24/02/1984	12	14	24	13	63	8,75	7,25
84	CH17084	Lữ Thị Mai Phương	08/08/1987	14	12	23	17	66	7,75	7,75
85	CH17085	Trần Thị Thu Phương	22/07/1988	15	12	26	19	72	9,50	7,25
86	CH17086	Nguyễn Thị Phương	15/11/1988	13	15	25	19	72	5,25	5,00
87	CH17087	Vũ Thị Phương	14/10/1987	11	13	25	17	66	5,50	5,00
88	CH17088	Lương Ngọc Quang	10/02/1983	8	7	24	16	55	8,25	8,00
89	CH17089	Nguyễn Hồng Quý	03/10/1983	7	7	17	16,5	47,5	5,00	6,25
90	CH17090	Lê Thị Đỗ Quyên	17/09/1987							
91	CH17091	Lưu Thị Quyên	09/12/1989	12	16	23	15,5	66,5	5,00	7,75
92	CH17092	Nguyễn Thị Quỳnh	16/01/1987	10	12	25	12	59	5,00	9,00
93	CH17093	Đặng Thị Soa	13/10/1987	10	9	22	14	55	8,25	6,50
94	CH17094	Dương Thị Thanh Tâm	18/03/1983	9	14	25	18,5	66,5	9,00	8,50
95	CH17095	Phạm Thị Thanh Tâm	25/10/1987	10	14	23	19	66	6,25	6,25
96	CH17096	Vương Thị Thanh Tâm	14/09/1987	10	12	24	24	70	9,75	5,00

TT	SBD	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Tiếng Anh					Cơ bản (Toán)	Cơ sở (Hóa HC)
					Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng		
97	CH17097	Nguyễn Thị	Tần	26/09/1988	11	14	27	18,5	70,5	8,00	8,25
98	CH17098	Lê Ngọc	Thanh	08/06/1987	10	16	25	14	65	6,75	5,50
99	CH17099	Nguyễn Thị	Thanh	22/01/1987	13	13	22	17,5	65,5	2,75	3,75
100	CH17100	Trần Thiện	Thanh	26/02/1987	14	13	23	15	65	6,25	7,00
101	CH17101	Lê Thị	Thảo	04/04/1986	13	11	27	15,5	66,5	9,00	7,00
102	CH17102	Vũ Thị Phương	Thảo	17/12/1979	13	11	21	14,5	59,5	8,00	5,75
103	CH17103	Nguyễn Minh	Thắng	24/09/1983							
104	CH17104	Nguyễn Quốc	Thịnh	02/07/1987	10	15	22	15	62	5,25	5,75
105	CH17105	Trần Thị Anh	Thơ	20/07/1988	13	14	23	17	67	8,75	8,25
106	CH17106	Nguyễn Thị	Thu	01/08/1987	7	10	15	11	43	2,75	2,00
107	CH17107	Đỗ Thị Bích	Thuận	12/11/1983	15	11	25	19	70	8,50	9,50
108	CH17108	Nguyễn Thị	Thuận	26/01/1985	8	12	21	15	56	4,00	5,00
109	CH17109	Nguyễn Văn	Thuận	06/06/1988	13	14	26	15	68	9,25	7,00
110	CH17110	Hoàng Nguyên	Thùy	24/10/1988							
111	CH17111	Ngô Minh	Thúy	30/12/1987	11	12	27	14,5	64,5	7,75	8,25
112	CH17112	Nguyễn Thị	Thúy	14/09/1988	13	11	24	17	65	5,00	4,25
113	CH17113	Nguyễn Thị Minh	Thúy	03/04/1989	14	14	23	16,5	67,5	8,00	5,75
114	CH17114	Phạm Minh	Thúy	12/06/1988	15	14	24	16	69	8,75	7,75
115	CH17115	Trần Thị	Thùy	10/03/1989	12	11	23	17	63	4,00	4,00
116	CH17116	Trần Thị Thu	Thùy	19/11/1987	10	14	22	14	60	7,00	5,75
117	CH17117	Nguyễn Thị Minh	Thư	09/08/1984	15	14	26	21	76	8,50	8,75
118	CH17118	Phùng Quang	Toàn	26/03/1972	8	8	20	9	45	5,50	4,50
119	CH17119	Nguyễn Quốc	Toản	04/04/1984	11	10	25	16	62	5,50	4,75
120	CH17120	Ngô Thu	Trang	06/10/1988	16	9	24	13,5	62,5	6,00	3,00
121	CH17121	Nguyễn Minh	Trang	19/11/1988	15	13	25	22,5	75,5	6,75	5,25
122	CH17122	Nguyễn Ngọc Đóa	Trang	12/10/1989	11	14	28	21	74	5,50	9,25
123	CH17123	Nguyễn Thị	Trang	01/12/1983	13	17	23	14	67	9,25	6,50
124	CH17124	Nguyễn Thị Huyền	Trang	26/10/1989	9	11	24	21	65	9,25	6,50
125	CH17125	Nguyễn Thị Kiều	Trang	24/09/1987	16	12	28	23	79	9,25	9,75
126	CH17126	Nguyễn Thị Thu	Trang	22/12/1982	14	14	26	19,5	73,5	7,00	7,75
127	CH17127	Mai Ngọc	Tú	18/11/1988	15	14	27	21,5	77,5	8,25	8,50
128	CH17128	Đào Việt	Tuân	03/10/1988	15	16	21	17,5	69,5	4,00	3,50
129	CH17129	Lê Anh	Tuấn	05/07/1984	13	8	23	18	62	6,50	6,50
130	CH17130	Nguyễn Đắc	Tuấn	11/01/1987	16	13	26	18,5	73,5	2,75	3,75
131	CH17131	Trần Anh	Tuấn	18/11/1989	13	12	25	16	66	7,00	5,75
132	CH17132	Cao Thị	Tuất	15/12/1984	15	13	24	19	71	6,75	5,25
133	CH17133	Nguyễn Khắc	Tùng	16/03/1987	14	7	28	16,5	65,5	5,00	7,50
134	CH17134	Quách Dương	Tùng	14/08/1988	14	12	15	16	57	5,00	5,25
135	CH17135	Vũ Mạnh	Tùng	02/11/1987							0,50
136	CH17136	Phan Thị Cẩm	Vân	05/05/1988	15	15	21	21	72	6,50	7,00
137	CH17137	Trần Thị Thanh	Vân	29/04/1983	13	16	21	23	73	8,00	9,00
138	CH17138	Hồ Lương Nhật	Vinh	26/01/1987	12	13	23	15,5	63,5	6,50	8,00
139	CH17139	Đoàn Thị Minh	Xuân	17/10/1979	8	10	27	17,5	62,5	8,75	9,50
140	CH17140	Nguyễn Thị Hải	Yến	20/11/1986	12	10	23	18,5	63,5	7,75	9,00

Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2012

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thanh Bình